

Số: 3361/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 17 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 370/TTr-SNN&PTNT ngày 10/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế vườn (KTV), kinh tế trang trại (KTTT) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND).

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 1, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND.

2. Quy định khu vực áp dụng; quy định đối với vườn, trang trại; quy định đối với các loại cây trồng được hỗ trợ, không được hỗ trợ

Thực hiện theo Điều 2, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND. Trong đó, các loại cây trồng được ngành nông nghiệp tỉnh khuyến cáo sản xuất là các nhóm cây hàng năm, cây lâu năm theo quy định tại khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND, đồng thời, là các loại cây trồng được nêu tại các Quyết định của UBND tỉnh: số 3420/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 về phê duyệt các ngành hàng, sản phẩm khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và phân cấp phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách

khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; số 2751/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 về ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Quảng Nam; số 2801/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 về ban hành danh mục cây dược liệu ưu tiên phát triển tại tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình thực hiện, nếu các địa phương có đề nghị bổ sung các loại cây trồng ngoài danh mục đã nêu tại các Quyết định trên, UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét quyết định và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

3. Nguyên tắc và phương thức hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND. Trong đó, đất sản xuất (của vườn, trang trại) phải đảm bảo sử dụng ổn định, lâu dài tối thiểu từ 10 năm trở lên.

4. Nội dung hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND.

5. Trình tự thực hiện

Chủ vườn, chủ trang trại gửi hồ sơ đăng ký về UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) kiểm tra thực tế, xác nhận, tổng hợp gửi về UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện) qua Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố (Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế) tổng hợp.

Căn cứ vào Đề án KTV, KTTT trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025, tùy theo nội dung thực hiện, Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan: Phòng Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, UBND cấp xã, các cá nhân và đơn vị liên quan khác tiến hành kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế tại các địa phương; tham mưu UBND cấp huyện lập kế hoạch trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí. Kế hoạch của UBND cấp huyện trình UBND tỉnh (gửi qua Sở Nông nghiệp và PTNT) trước ngày 15/8 hàng năm.

Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị liên quan trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ kinh phí thực hiện.

Sau khi có quyết định phân bổ kinh phí của UBND tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện. Việc phê duyệt kế hoạch chi tiết phải dựa trên các căn cứ: Kết quả rà soát lại số lượng chủ vườn, chủ trang trại đăng ký; nội dung, dự toán kinh phí, phương án/dự án sản xuất - kinh doanh của chủ vườn, chủ trang trại; **sự phù hợp so với Đề án KTV, KTTT giai đoạn 2021-2025**; kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định cấp huyện; nguồn kinh phí đã được UBND tỉnh phân bổ và các nội dung liên quan khác theo quy định.

UBND cấp huyện giao phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế là cơ quan chủ trì, tổ chức thực hiện nguồn kinh phí hỗ trợ cho chủ vườn, chủ trang trại theo Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND.

6. Hồ sơ, thủ tục đăng ký

Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương hướng dẫn chủ vườn, chủ trang trại lập các hồ sơ, thủ tục đăng ký theo quy định (*Phụ lục kèm theo*).

7. Quy định về thành phần, chức năng của Hội đồng thẩm định và Hội đồng nghiệm thu cấp huyện

Căn cứ tình hình thực tế địa phương, UBND cấp huyện quyết định thành lập riêng hoặc chung Hội đồng thẩm định và Hội đồng nghiệm thu trong quá trình tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất; hỗ trợ xây dựng các công trình cấp nước; hỗ trợ xây dựng, lắp đặt các hệ thống tưới; hỗ trợ chỉnh trang, cải tạo vườn; thiết kế và cải tạo mặt bằng làm trang trại; hỗ trợ đầu tư máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản tại trang trại; hỗ trợ xây dựng các công trình phục vụ sản xuất (xây dựng chuồng trại; ao nuôi/lồng nuôi; nhà lưới/nhà kính; hàng rào bảo vệ; nhà xưởng; nhà sơ chế, bảo quản, chế biến nông lâm sản); các nội dung liên quan khác.

Hội đồng thẩm định, Hội đồng nghiệm thu do lãnh đạo UBND cấp huyện làm Chủ tịch hội đồng; Phó Chủ tịch thường trực hội đồng là Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế; Phó Chủ tịch hội đồng và các thành viên hội đồng còn lại là đại diện của các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế, Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, lãnh đạo UBND cấp xã, các cá nhân, đơn vị liên quan do UBND cấp huyện quyết định.

Hội đồng thẩm định có trách nhiệm: Tổ chức thẩm định các nội dung, hồ sơ, thủ tục, kinh phí liên quan đến phương án/dự án sản xuất - kinh doanh của chủ vườn, chủ trang trại: Bản vẽ bố trí mặt bằng (đối với chỉnh trang, cải tạo vườn)/hồ sơ thiết kế (đối với trang trại), các báo cáo thuyết minh, dự toán kinh phí xây dựng các hạng mục, công trình, kinh phí mua máy móc, trang thiết bị do chủ vườn, chủ trang trại lập, các nội dung, hồ sơ, thủ tục liên quan cần thiết khác. Kết quả của Hội đồng thẩm định là cơ sở để UBND cấp huyện quyết định phê duyệt kế hoạch chi tiết và là căn cứ để thực hiện hỗ trợ, thanh quyết toán. Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn chủ vườn, chủ trang trại lập các hồ sơ, thủ tục liên quan, tổ chức tiếp nhận, tổng hợp và tham mưu tổ chức Hội đồng thẩm định.

Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm: Tổ chức nghiệm thu các nội dung, hạng mục, công trình sau khi chủ vườn, chủ trang trại thực hiện hoàn thành việc đầu tư, xây dựng và có văn bản đề nghị nghiệm thu. Kết quả của Hội đồng nghiệm thu là căn cứ để thanh quyết toán các nội dung hỗ trợ cho chủ vườn, chủ trang trại. Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế là cơ quan tiếp nhận văn bản đề nghị nghiệm thu, tổng hợp và tham mưu tổ chức Hội đồng nghiệm thu.

8. Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán

Công tác nghiệm thu, lập hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản liên

quan khác và các quy định tại Quyết định này.

9. Hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán

Văn bản đề nghị hỗ trợ của chủ vườn/chủ trang trại.

Biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định cấp huyện.

Quyết định phê duyệt kế hoạch kinh phí thực hiện chi tiết của UBND cấp huyện.

Biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu cấp huyện.

Các văn bản, hồ sơ, thủ tục, hóa đơn, chứng từ khác có liên quan theo quy định.

10. Quy định chi tiết một số nội dung, hồ sơ thanh quyết toán

a) Đối với nội dung quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 4, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND về hỗ trợ lãi suất tiền vay.

Thời điểm được tính để hỗ trợ lãi suất là ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng; kinh phí UBND tỉnh giao thực hiện năm nay được sử dụng để hỗ trợ cho lãi suất tiền vay năm trước của chủ vườn, chủ trang trại. Chủ vườn, chủ trang trại nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế chủ trì tổng hợp, đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch kiểm tra, tham mưu UBND cấp huyện quyết định hỗ trợ và thanh quyết toán kinh phí theo qui định. Việc hỗ trợ lãi suất tiền vay mỗi năm được thực hiện 01 hoặc 02 lần (do UBND cấp huyện quyết định) nhưng phải trước ngày 31/12 hàng năm.

Hồ sơ thanh quyết toán: Văn bản đề nghị hỗ trợ của chủ vườn, chủ trang trại; quyết định phê duyệt kế hoạch thực hiện chi tiết của UBND cấp huyện; bản sao có chứng thực hợp đồng vay; các hoá đơn, chứng từ khác có liên quan theo quy định.

b) Đối với nội dung hỗ trợ xây dựng công trình cấp nước quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 4, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND.

Việc xây dựng các công trình cấp nước phải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất (Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT) và các quy định hiện hành.

Việc kiểm tra để thống nhất loại công trình, số lượng công trình đưa vào kế hoạch thực hiện hàng năm phải căn cứ vào hiện trạng công trình cấp nước hiện có (về số lượng, năng lực tưới của công trình cấp nước mà chủ vườn, chủ trang trại đã có), chỉ hỗ trợ xây dựng các công trình cấp nước mới nhằm tăng cường năng lực tưới cho phần còn lại do các công trình cấp nước của chủ vườn, chủ trang trại đã có nhưng chưa thể đảm bảo tưới được.

Hồ sơ thanh toán bao gồm các hồ sơ liên quan quy định tại khoản 9, Điều 1, Quyết định này. Ngoài ra, chủ vườn, chủ trang trại phải có các hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT (nếu thuộc trường hợp bắt buộc).

c) Đối với nội dung quy định (tại điểm a, khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND) về hỗ trợ chỉnh trang, cải tạo vườn (loại bỏ cây tạp, cải tạo mặt bằng, làm tường rào, công nghệ để hình thành các vườn có hiệu quả kinh tế) và nội dung quy định (tại điểm a, khoản 3, Điều 4, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND) về hỗ trợ thực hiện thiết kế và cải tạo mặt bằng làm trang trại.

Chủ vườn, chủ trang trại trước khi thực hiện phải hoàn tất các thủ tục cấp phép theo các quy định liên quan đến công tác chỉnh trang, cải tạo vườn, cải tạo mặt bằng làm trang trại (nếu có); có bản vẽ bố trí mặt bằng để thực hiện chỉnh trang, cải tạo vườn và có hồ sơ thiết kế đối với trang trại; báo cáo thuyết minh; dự toán chỉnh trang, cải tạo vườn, cải tạo mặt bằng làm trang trại được Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định.

Hồ sơ thanh toán bao gồm các hồ sơ liên quan quy định tại khoản 9, Điều 1, Quyết định này; các hồ sơ, thủ tục cấp phép liên quan theo quy định (nếu có).

d) Đối với nội dung quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 4, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND về hỗ trợ xây dựng, lắp đặt các hệ thống tưới (tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm: Tưới nhỏ giọt, phun mưa, tưới ngầm). Mức hỗ trợ cho chủ vườn, chủ trang trại thực hiện theo điểm a, khoản 3, Điều 3 Quy định kèm theo Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 559/QĐ-UBND); không áp dụng điều kiện hỗ trợ liên quan tại điểm c, khoản 3, Điều 3 Quy định kèm theo của Quyết định số 559/QĐ-UBND đối với nội dung hỗ trợ này. Hồ sơ thanh toán bao gồm các hồ sơ liên quan quy định tại khoản 9, Điều 1, Quyết định này.

e) Đối với nội dung quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND về hỗ trợ giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất:

Định mức kinh tế - kỹ thuật làm căn cứ hỗ trợ giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất theo quy định hiện hành của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Sau 45 ngày tính từ thời điểm chủ vườn thực hiện việc trồng và trồng dặm, chủ vườn gửi văn bản đề nghị nghiệm thu đến Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế để tổng hợp, tham mưu UBND cấp huyện tổ chức Hội đồng nghiệm thu. Tỷ lệ diện tích/số lượng cây trồng còn sống, sinh trưởng và phát triển ổn định phải đạt từ 85% trở lên so với tổng diện tích/số lượng cây phải trồng của dự án/phương án sản xuất - kinh doanh theo kế hoạch được duyệt thì chủ vườn đủ điều kiện được hỗ trợ theo quy định.

Hồ sơ thanh toán bao gồm các hồ sơ liên quan quy định tại khoản 9, Điều 1, Quyết định này. Đồng thời, chủ vườn, chủ trang trại phải có hồ sơ, minh chứng cây giống được mua tại các đơn vị, cơ sở sản xuất - kinh doanh giống cây trồng đủ điều kiện theo quy định hiện hành.

f) Đối với nội dung quy định hỗ trợ kinh phí đầu tư máy móc, trang thiết

bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản tại trang trại (điểm b, khoản 3, Điều 4, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND):

Phương án/dự án sản xuất - kinh doanh của chủ trang trại phải có báo cáo thuyết minh về: Tính phù hợp; mức độ tiên tiến; các đặc tính, tính năng kỹ thuật của công nghệ sản xuất; công suất; chất lượng; các tiêu chuẩn, nhất là tiêu chuẩn về tiết kiệm năng lượng, vệ sinh môi trường; năm sản xuất; nước sản xuất; thông tin nhà cung ứng trang thiết bị, các nội dung liên quan khác. Báo cáo thuyết minh, dự toán kinh phí về việc đầu tư máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản tại trang trại do chủ trang trại lập phải được Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định. Hồ sơ thanh quyết toán liên quan theo quy định tại khoản 9, Điều 1, Quyết định này.

g) Đối với việc hỗ trợ kinh phí xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất, bao gồm: Chi phí xây dựng chuồng trại, xây dựng ao nuôi/lồng nuôi, nhà lưới, nhà kính, hàng rào bảo vệ, nhà xưởng, nhà sơ chế, bảo quản, chế biến (điểm b, khoản 3, Điều 4, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND):

Chủ trang trại phải có hồ sơ đề xuất đầu tư xây dựng cho từng công trình như: Hồ sơ thiết kế, báo cáo thuyết minh và dự toán kinh phí chi tiết về xây dựng công trình. Các hồ sơ đề xuất này phải được Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định.

Hồ sơ thanh quyết toán quy định tại khoản 9, Điều 1, Quyết định này; các hồ sơ, thủ tục cấp phép liên quan theo quy định (nếu có).

11. Quy định khác

Các nội dung không quy định trực tiếp tại Quyết định này thì thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND; trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Cơ chế này đảm bảo kịp thời, đúng quy định. Định kỳ, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình, kết quả thực hiện để theo dõi, chỉ đạo.

b) Chủ trì tổng hợp và phối hợp với Sở Tài chính, các ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hằng năm thực hiện Cơ chế này.

c) Hằng năm, xây dựng kế hoạch tổ chức thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, chủ vườn, chủ trang trại, các đối tượng liên quan khác về các nội dung liên quan đến KTV, KTTT; tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm về phát triển KTV, KTTT tại các địa phương trong và ngoài tỉnh.

d) Chủ trì tham mưu công tác sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Cơ chế này để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở, ngành liên quan tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí từ nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh để thực hiện; bổ sung, lồng ghép các nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách để hỗ trợ phát triển KTV, KTTT; hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện các hồ sơ, thủ tục thanh, quyết toán các nội dung hỗ trợ theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, các đơn vị và địa phương liên quan tham mưu cân đối ngân sách để thực hiện nội dung Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND.

4. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các đơn vị, địa phương trong việc hướng dẫn thực hiện các dự án, phương án phát triển KTV, KTTT đảm bảo theo quy hoạch; hướng dẫn xây dựng, thẩm định các bản vẽ, hồ sơ thiết kế cải tạo mặt bằng và các công trình hạ tầng liên quan phục vụ sản xuất của trang trại.

5. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan thực hiện chương trình xúc tiến thương mại, giới thiệu và quảng bá sản phẩm nông sản; công tác quản lý kinh doanh các mặt hàng nông lâm và thủy sản; phối hợp với các ngành trong quản lý kinh doanh, buôn bán các loại thức ăn chăn nuôi, thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật, thú y, thú y thủy sản, các loại chất cấm trong nông nghiệp, các loại hàng hóa, máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp; hướng dẫn các địa phương, đơn vị, các cá nhân, tổ chức đảm bảo an toàn lưới điện khi thực hiện các phương án/dự án phát triển KTV, KTTT.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Tăng cường công tác nghiên cứu, ứng dụng, giới thiệu, chuyển giao khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, nhất là các công nghệ thân thiện môi trường, xử lý chất thải chăn nuôi, xử lý môi trường nuôi, sản xuất hữu cơ, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thích ứng biến đổi khí hậu; chú trọng khâu truy xuất nguồn gốc; chỉ dẫn địa lý; nhãn hiệu; tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm liên quan.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn các địa phương, chủ vườn, chủ trang trại trong việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; công tác quản lý đất đai và tài nguyên liên quan; ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết về việc quản lý, khai thác nước dưới đất theo quy định của Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT; quản lý, hướng dẫn công tác bảo vệ môi trường trong phát triển KTV, KTTT.

8. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Kết nối, hỗ trợ chủ vườn, chủ trang trại liên kết hình thành những

khu/điểm du lịch sinh thái trong nông nghiệp, nông thôn dựa trên cơ sở phát huy thế mạnh về danh lam thắng cảnh, sản phẩm đặc trưng, đặc hữu địa phương.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền về phát triển KTV, KTTT.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Kịp thời tham mưu xây dựng Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2021-2025 để tăng cường nguồn nhân lực có tay nghề phục vụ cho phát triển nông thôn, trong đó có phát triển KTV, KTTT.

11. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh

Phối hợp đưa nội dung hỗ trợ phát triển KTV, KTTT gắn với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để hỗ trợ phát triển KTV, KTTT.

12. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Nam

Chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc các quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các nguồn vốn vay khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho chủ vườn, chủ trang trại tiếp cận các nguồn vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển KTV, KTTT trên địa bàn tỉnh.

13. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Khẩn trương xây dựng và phê duyệt Đề án phát triển KTV, KTTT giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn cấp huyện trước ngày 31/12/2021; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm trên địa bàn huyện. Chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả trong việc quản lý, chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND tại địa phương.

b) Chỉ đạo UBND cấp xã tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động Nhân dân cải tạo vườn tạp, phát triển KTV, KTTT; tuyên truyền các nội dung chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND và Quyết định này; hỗ trợ, hướng dẫn chủ vườn, chủ trang trại lập các hồ sơ, thủ tục đăng ký, thủ tục nhận hỗ trợ; các hồ sơ, thủ tục liên quan khác theo quy định; quản lý, theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện phát triển KTV, KTTT cho các đơn vị cấp trên theo quy định; nhân rộng các mô hình KTV, KTTT hiệu quả trên địa bàn.

c) Kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quy hoạch vùng huyện; trong đó, chú trọng các nội dung, nhiệm vụ quy hoạch liên quan đến việc triển khai Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND.

d) Chỉ đạo các Phòng, ban, đơn vị liên quan và UBND cấp xã phối hợp

hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ chủ vườn, chủ trang trại; chỉ đạo kịp thời việc rà soát, thẩm định, lập/phê duyệt kế hoạch chi tiết, phân bổ kinh phí, nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ cho chủ vườn, chủ trang trại kịp thời, đúng quy định; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn đối tượng hưởng lợi sử dụng kinh phí hỗ trợ, các nguồn vốn vay đúng mục đích, hiệu quả.

e) Hàng năm, cân đối, bố trí thêm nguồn ngân sách địa phương, lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển KTV, KTTT tại địa phương.

f) Công khai, minh bạch về chính sách hỗ trợ, mức hỗ trợ theo đúng quy định.

g) Định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất (theo yêu cầu) báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện, kết quả giải ngân nguồn vốn, những khó khăn, vướng mắc về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo; thực hiện tốt công tác sơ kết, tổng kết, nhân rộng mô hình hiệu quả trên địa bàn.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Hội, Đoàn thể chính trị, chính trị - xã hội và các tổ chức hội từ tỉnh đến cơ sở: Tăng cường công tác phối hợp, thông tin, tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân mạnh dạn đầu tư phát triển KTV, KTTT; vận động hình thành và phát triển các câu lạc bộ làm vườn, làm trang trại; hỗ trợ xây dựng, phát triển các tổ chức hợp tác, liên kết sản xuất trong phát triển KTV, KTTT; công tác giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND và Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Nam; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:


- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Hội, đoàn thể tỉnh;
- Chi cục PTNT;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\Nam 2021\Quyết định\11 11 triển khai Nghị quyết số 35 của HĐND tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ phát triển KTV, KTTT.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

Phụ lục**DANH MỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CỦA CHỦ VƯỜN, CHỦ TRANG TRẠI**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /11/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

1. Văn bản đăng ký thực hiện của chủ vườn, chủ trang trại (Phụ lục I).
2. Tờ khai kinh tế trang trại: Mẫu theo quy định tại Thông tư 02/2020/TT-BNN&PTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
3. Bản sao chụp Giấy chứng nhận hoặc cam kết đảm bảo các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (Phụ lục II).
4. Dự án/Phương án sản xuất - kinh doanh (Phụ lục III)
5. Bản sao các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất/thuê đất.
6. Đối với các nội dung: Hỗ trợ xây dựng các hệ thống tưới; hệ thống cấp nước; hỗ trợ chỉnh trang, cải tạo vườn; thiết kế và cải tạo mặt bằng làm trang trại; hỗ trợ đầu tư máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản tại trang trại; hỗ trợ xây dựng các công trình phục vụ sản xuất (xây dựng chuồng trại; ao nuôi/lồng nuôi; nhà lợp/nhà kính; hàng rào bảo vệ; nhà xưởng; nhà sơ chế, bảo quản, chế biến nông lâm sản: Yêu cầu phải có các hồ sơ liên quan đến việc thủ tục cấp phép theo quy định (nếu có); bản vẽ bố trí mặt bằng (đối với chỉnh trang, cải tạo vườn)/hồ sơ thiết kế (đối với trang trại), báo cáo thuyết minh, dự toán chi tiết công trình;...
7. Các hồ sơ liên quan khác.

Phụ lục I**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ****V/v hỗ trợ phát triển Kinh tế vườn/Kinh tế trang trại**

Kính gửi:

- UBND huyện, thị xã, thành phố.....
- Phòng Nông nghiệp&PTNT/Kinh tế
- UBND xã/phường/thị trấn.....

Họ và tên Chủ vườn/Chủ trang trại:.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:.....

Điện thoại:..... Email:.....

Căn cứ Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND); Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND.

Kính đề nghị UBND huyện, thị xã, thành phố xem xét đưa vào kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế vườn/kinh tế trang trại, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG1. Mô hình phát triển (Vườn/Trang trại¹):

.....

2. Địa bàn thực hiện (Thôn/Tổ, Xã/Phường/Thị trấn, Huyện/TX/TP):

.....

3. Quy mô diện tích (m²/ha):.....

¹ Ghi rõ : Nếu vườn là vườn trồng loại cây trồng gì (vườn cây ăn quả, rau củ quả...? Trang trại thuộc loại nào theo quy định tại Thông tư 02/2020/TT-BNN&PTNT?

4. Thời gian thực hiện:.....

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

(Nội dung hỗ trợ phải phù hợp với từng đối tượng hỗ trợ và phải ghi cụ thể)

1. Hỗ trợ tập huấn:.....
2. Tham quan, học tập kinh nghiệm:.....
3. Hỗ trợ thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói, tem điện tử:
4. Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa nông sản:
5. Hỗ trợ lãi suất tiền vay:
6. Hỗ trợ xây dựng công trình cấp nước:
7. Hỗ trợ xây dựng, lắp đặt hệ thống tưới:
8. Hỗ trợ chỉnh trang, cải tạo vườn/trang trại:
9. Hỗ trợ giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất:.....
10. Hỗ trợ đầu tư máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản tại trang trại;
11. Hỗ trợ xây dựng các công trình phục vụ sản xuất ...

...

III. CAM KẾT

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các hồ sơ, thủ tục liên quan và đúng như nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng như cơ chế đã quy định và cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (Chú ý phải có Dự án/Phương án sản xuất kinh doanh kèm theo)

Danh mục các tài liệu có liên quan kèm theo gồm:/.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.

....., ngày..... tháng năm

Chủ vườn/Chủ trang trại

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ

Phụ lục II**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢN CAM KẾT****Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường**

Kính gửi:

- UBND huyện, thị xã, thành phố.....
- Phòng Nông nghiệp&PTNT/Kinh tế
- UBND xã/phường/thị trấn.....

Họ và tên chủ vườn/trang trại:Nam/Nữ:.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:.....

Sản phẩm sản xuất, kinh doanh:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

Trồng trọt Lâm nghiệp Chăn nuôi Nuôi trồng thủy sản Khai thác, sản xuất muối

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện)

Nếu có vi phạm, Tôi cam kết và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật./.

....., ngày..... tháng năm

Chủ vườn/Chủ trang trại*(Kí, ghi rõ họ tên)***XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ**

Phụ lục III

MẪU PHƯƠNG ÁN/DỰ ÁN SẢN XUẤT - KINH DOANH

(Chủ vườn, chủ trang trại tùy vào nội dung, tính chất của phương án/dự án sản xuất – kinh doanh có thể điều chỉnh, bổ sung, lựa chọn các nội dung cho phù hợp)

PHẦN I

GIỚI THIỆU CHUNG

I. TÊN DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN:

II. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN:

III. GIỚI THIỆU VỀ CHỦ VƯỜN/TRANG TRẠI

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ

PHẦN II

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

I. KHÁI QUÁT CHUNG

- Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương.
- Đặc điểm tình hình sản xuất nông lâm ngư nghiệp, định hướng phát triển nông nghiệp tại địa phương.

II. HIỆN TRẠNG CÁC ĐIỀU KIỆN PHỤC VỤ SẢN XUẤT

Điều kiện thổ nhưỡng, đất đai, nguồn nước; điều kiện hạ tầng sản xuất (giao thông, thủy lợi, điện, cấp nước...; tình hình nhân vật lực; máy móc, trang thiết bị sản xuất,...); các điều kiện khác tác động đến việc triển khai thực hiện phương án/dự án; các nội dung liên quan khác.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Đánh giá chung những thuận lợi, khó khăn...

PHẦN III

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN/DỰ ÁN

I. MỤC TIÊU (Nêu mục tiêu cụ thể):

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN/DỰ ÁN...

Nêu các nội dung/công việc cụ thể cần thực hiện để đạt các mục tiêu của phương án/dự án; mỗi nội dung thực hiện phải gắn với kế hoạch, lộ trình/thời gian thực hiện, dự toán toán kinh phí cụ thể cho từng công việc, giải pháp thực hiện... Một số nội dung chính được gợi ý:

1. Đối tượng cây/con cần thực hiện của phương án/dự án:

2. Về nội dung đầu tư:

- Cây, con giống; vật tư phục vụ sản xuất.

- Về đầu tư chỉnh trang, cải tạo vườn (loại bỏ cây tạp, cải tạo mặt bằng, làm tường rào, cổng ngõ để hình thành các vườn có hiệu quả kinh tế); thiết kế và cải tạo mặt bằng làm trang trại. Cần có hồ sơ đề nghị cấp phép gửi cơ quan có thẩm quyền (nếu có); bản vẽ bố trí mặt bằng (chỉnh trang, cải tạo vườn)/hồ sơ thiết kế (trang trại);...

- Về đầu tư kết cấu hạ tầng cơ bản như: hệ thống cấp nước; tưới nước; xây dựng chuồng trại, xây dựng ao nuôi/lồng nuôi, nhà lưới, nhà kính, hàng rào bảo vệ, nhà xưởng, nhà sơ chế, bảo quản, chế biến... Cần có báo cáo thuyết minh; hồ sơ thiết kế...

- Về đầu tư máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản tại trang trại. Cần có báo cáo thuyết minh về: Tính phù hợp; mức độ tiên tiến; các đặc tính, tính năng kỹ thuật của công nghệ sản xuất; công suất; chất lượng; các tiêu chuẩn, nhất là tiêu chuẩn về tiết kiệm năng lượng, vệ sinh môi trường; năm sản xuất; nước sản xuất; thông tin nhà cung ứng trang thiết bị, giá trang thiết bị...

- Các nội dung đầu tư khác...

3. Kế hoạch thực hiện các hoạt động sản xuất; thu hoạch; bảo quản; sơ chế, chế biến; xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; đăng ký nhãn hiệu sản phẩm nông sản từ vườn, trang trại...

4. Kế hoạch bố trí nhân sự, lao động,...

5. Kế hoạch phát triển thị trường, tiêu thụ sản phẩm.

6. Khác...

III. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ, PHÂN KỲ ĐẦU TƯ

- Trong đó cần thể hiện được: Tổng vốn thực hiện Dự án/Phương án, gồm:

+ Vốn xin hỗ trợ từ ngân sách nhà nước ? triệu đồng;

+ Vốn vay ? triệu đồng

+ Vốn tự có ? triệu đồng

+ Vốn hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác.....

- Phân kỳ đầu tư từng năm cho kế hoạch sản xuất của Dự án/Phương án.

IV. PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG VỐN VÀ ĐỀ XUẤT KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ

PHẦN VI. DỰ BÁO KẾT QUẢ, HIỆU QUẢ

PHẦN VII. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ